

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT
NGUYỄN HỮU HUÂN
Số: 83/TB-THPT-NHH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 15 tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2020 – 2021
(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1974	730	626	618
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1970 99.8%	727 99.59%	625 99.84%	618 100.00%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.15%	02 0.27%	01 0.16%	0 0.00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.05%	1 0.14%	0 0.00%	0 0.00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	1974	730	626	618
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1351 68.44%	490 67.12%	384 61.34%	477 77.18%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	604 30.6%	231 31.64%	238 38.02%	135 21.84%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	19 1.39%	9 1.23%	4 0.64%	6 0.97%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1974	730	626	618
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1974 100.00%	730 100.00%	626 100.00%	618 100.00%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1351 68.44%	490 67.12%	384 61.34%	477 77.18%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	604 30.6%	231 31.64%	238 38.02%	135 21.84%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%	0 0.00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	338	73	80	185
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	04	0	0	04
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp	618	0	0	618
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghệp	618/618 100.00%	0	0	618/618 100.00 %
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Không xếp	0	0	Không xếp
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	99.0%	0	0	99.0%
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	1.0%	0	0	1.0%
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	960/1014	360/370	300/326	300/318
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	15	4	5	6

Nơi nhận:

- Đưa trang web trường (để công khai);

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chính